

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **297/2023/DS-ST**

Ngày 23 - 8 - 2023

V/v Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên toà:
Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 454/20223/TLST-DS ngày 07/6/2023 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2023/QĐXXST-DS ngày 19/7/2023, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn G, sinh năm 1963.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp của ông G: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 – Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/6/2023).

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh B.

Bà Đàm Thu S.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà M mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2023 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Ngày 20/12/2016 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hui loại 10.000.000 đồng, hui gồm có 14 chung, 06 tháng khai 01 lần (thời gian mãn hui là ngày 20/8/2023 âm lịch), bị đơn tham chơi 01 chung. Hui khai kỳ thứ hai thì bị đơn bỏ hui được hốt, nguyên đơn đã giao cho bị đơn nhận đủ tổng số tiền hui 87.400.000 đồng. Việc giao

tiền hội thì nguyên đơn có làm biên nhận giao tiền và khi nhận tiền thì bị đơn có ký tên vào biên nhận.

Ngày 24/7/2017 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hội loại 10.000.000 đồng, hội gồm có 13 chung, 06 tháng khui 01 lần (thời gian mãn hội là ngày 24/8/2023 âm lịch), bị đơn tham chơi 01 chung. Hội khui kỳ thứ ba thì bị đơn bỏ hội được hốt, nguyên đơn đã giao cho bị đơn nhận đủ tổng số tiền hội 81.900.000 đồng. Việc giao tiền hội thì nguyên đơn có làm biên nhận giao tiền và khi nhận tiền thì bị đơn có ký tên vào biên nhận.

Sau khi hốt 02 chung hội ở 02 dây hội thì bị đơn đóng hội lại đến tháng 08 năm 2020 âm lịch thì không đóng hội cho đến nay đã mãn hội. Số tiền hội chết bị đơn phải thanh toán đến mãn hội 07 kỳ X 10.000.000 đồng X 02 chung = 140.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hội 140.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Y tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023 có tại hồ sơ, thể hiện:** Bà Y có tham gia chơi 02 chung hội, ở 02 dây hội, loại hội 10.000.000 đồng, 06 tháng khui 01 lần, hội khui 24/7/2017 âm lịch và 20/12/2016 âm lịch, do bà M và ông Trương Văn G làm chủ, chung hội của dây khui ngày 24/7/2017 âm lịch bà Y tham gia hốt xong, còn chung hội của dây khui ngày 20/12/2016 âm lịch còn sống. Trong các dây hội này bà Y có biết ông Bùi Thanh B và bà Đàm Thu S có tham gia chơi mỗi dây 01 chung hội, đã hốt hết 02 chung hội của 02 dây hội và biết thì bà M và ông G đã chung tiền hội cho vợ chồng ông B và bà S xong. Thường thì giao hội bà M và ông G có làm biên nhận cho hội viên nhận tiền ký tên. Còn việc ông B và bà S đóng hội chết lại có đầy đủ không thì bà Y không biết.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:**

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hội 140.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng*: Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ “*Bản quy ước hùn vốn ngày 20/12/2016 và bản quy ước ngày 24/7/2017*” thể hiện có vợ chồng bị đơn có tham gia 02 chung hội ở 02 dãy hội (danh sách hội ở số thứ tự 5 và 6), loại hội 10.000.000 đồng, mỗi năm khai 02 lần, hội khai ngày 20/12/2016 âm lịch và ngày 24/7/2017 âm lịch do vợ chồng nguyên đơn làm chủ; quá trình khai hội nguyên đơn xác định bị đơn đã hót hết 02 chung hội ở 02 dãy hội và đã nhận đủ tiền hội theo “*Biên nhận ngày 22/01/2018 âm lịch và biên nhận ngày 29/02/2019 âm lịch*”; đối với bị đơn không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, trong hội này bà Nguyễn Thị Y có cùng tham gia chơi chung 02 dãy hội với vợ chồng bị đơn, bà Y xác định vợ chồng bị đơn đã hót hết 02 chung hội và nguyên đơn đã giao đủ tiền hội cho vợ chồng bị đơn nhận; nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền hội đến mãi chưa thanh toán là 140.000.000 đồng; bị đơn không chứng minh được việc sau khi hót hội thì đã đóng hội đầy đủ cho nguyên đơn đến mãi hội. Do đó, có căn cứ xác định vợ chồng bị đơn thực tế chưa thanh toán số tiền hội 140.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội chết theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch của vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn số tiền hội 140.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Văn G và bà Nguyễn Thị M.

Buộc bị đơn ông Bùi Thanh B và bà Đàm Thu S có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trương Văn G và bà Nguyễn Thị M số tiền hộ 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Bùi Thanh B và bà Đàm Thu S phải nộp là 7.000.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn ông Trương Văn G và bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải